



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KHOÁ CỬ THI LẠI - KỲ THI THÁNG 06/2025

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi					Ghi chú
						Toán	Lý	Hoá	Văn	Sử	
1	20000589	Huỳnh Nguyễn	An	10/07/2005	20T4-QNH1	8.0					
2	18000917	Lê Hải Thiên	Ân	24/06/2003	18T4-CNÔ4	5.5	7.5	2.8			
3	19005149	Hoàng Quốc	Anh	09/10/2003	19T4-LTM1	7.8	7.3				
4	19000973	Nguyễn Nhựt	Anh	11/10/2004	19T4-TKE2	5.0	6.0	6.8			
5	21002205	Trương Hoàng	Bách	18/11/2006	21T4-KLB1	5.3					
6	21003993	Đình Văn	Bằng	12/01/2006	21T4-KML1	5.0					
7	19001613	Phùng Thái	Bảo	03/05/2004	19T4-ĐCN1	V	V	V			
8	19001252	Nguyễn Thế	Bảo	08/07/2004	19T4-TKE2	5.5	7.0	7.3			
9	21004229	Lê Quang	Đức	23/04/2006	21T4-NNA2	5.5					
10	18000237	Võ Quốc	Duy	08/04/2003	18T4-CNÔ1	7.3	9.5	8.0			
11	20001572	Trần Anh	Duy	28/09/2005	20T4-THU1	5.5					
12	19000253	Huỳnh Châu Ngọc	Giàu	31/07/2004	19T4-TKE1	9.0					
13	21003317	Vũ Nguyễn Minh	Hà	22/01/2006	21T4-KLB1			5.8			
14	20000793	Bùi Thanh	Hậu	14/04/2005	20T4-CCK1			5.0			
15	20001368	Nguyễn Bửu	Hòa	09/07/2005	20T4-KML1	6.0	9.0				
16	19001017	Trương Việt	Hoàng	04/07/2002	21T4-CNÔ2	5.5					
17	21001984	Hứa Kim	Hoàng	24/02/2006	21T4-KLB1		8.3				
18	21000018	Trần Quốc	Hưng	02/04/2006	21T4-CNÔ1	8.8	9.3	7.0			
19	18000125	Nguyễn Gia	Huy	21/01/2003	18T4-CNÔ1	9.3	9.3	8.5			
20	17000004	Trần Duy	Khang	27/04/2002	17T4-CCK1	7.0	8.5	7.8			
21	19000670	Đặng Kiến	Khang	21/04/2004	19T4-CNÔ4	6.0					
22	21000134	Nguyễn Văn	Khương	17/09/2006	21T4-CNÔ1	6.8					
23	20001397	Khương Trung	Kiên	02/07/2005	20T4-KML1	5.0					
24	19000851	Dương Vô	Kỳ	29/07/2004	19T4-CMT1	9.0	8.5	5.8			
25	20000847	Đoàn Huỳnh	Lâm	22/03/2004	20T4-CNÔ4	6.0	8.0	6.0			
26	19000162	Tạ Gia Hữu	Lộc	15/03/2004	19T4-TKĐ1	5.3	6.8	3.3			
27	21001259	Phan Hữu	Luân	11/06/2005	21T4-CNÔ3	6.5					
28	21000699	Đình Hữu	Luân	23/01/2006	21T4-KML1	5.0	7.0	3.8			

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi					Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	Văn	Sử	
29	20002431	Lê Bá Thanh	Minh	31/12/2005	20T4-KXD1	6.8	7.5	3.3			
30	21002370	Vi Công	Minh	16/10/2006	21T4-KML1	5.8					
31	20001223	Nguyễn Kim Bảo	Ngân	30/07/2004	20T4-TKĐ2	5.3					
32	20002177	Trương Ngọc Huỳnh	Như	07/09/2005	20T4-TCD1	5.5					
33	20001214	Võ Nguyễn Quỳnh	Như	27/09/2005	20T4-TKĐ2	V	V				
34	20003359	Trần Đình	Nhuận	02/02/2005	20T4-ĐCN1	5.0	6.0	6.0			
35	20000644	Nguyễn Tấn	Phát	18/08/2005	20T4-QTD1	7.3					
36	19001207	Huỳnh Ngọc Thanh	Phong	03/03/2004	19T4-TKĐ2	7.8	8.3	7.8			
37	20001534	Trần Ngọc Thiên	Phú	12/07/2004	20T4-ANM1	7.5	7.8	7.5			
38	20003041	Trịnh Đình	Phúc	30/08/2005	20T4-ĐCN1	5.0	6.8	3.3			
39	20000904	Lê Phan Hoàng	Phúc	15/08/2005	20T4-ĐĐT1	6.0	5.0	9.0			
40	19000763	Nguyễn Hoàng	Quân	24/02/2004	19T4-TKĐ2	8.3	8.0	7.0			
41	21004213	Trương Hồng	Quân	06/04/2005	21T4-CTM1	7.5					
42	20000329	Nguyễn Trần Bảo	Sang	25/06/2004	20T4-CNÔ2	5.0	5.0				
43	20001155	Võ Minh	Sang	26/10/2005	20T4-QTM2	7.5	8.3	8.5			
44	20000226	Nguyễn Hữu	Tài	11/11/2005	20T4-CNÔ1	6.5					
45	20000915	Đoàn Tấn	Tài	06/04/2005	20T4-CNÔ4	5.0	5.0	5.0			
46	19000867	Đỗ Duy	Tân	14/09/2003	19T4-CNÔ4	1.0					
47	20001788	Võ Hoàng	Tấn	25/05/2005	20T4-CCK1			6.5			
48	20000954	Nguyễn Lê Quốc	Thái	13/03/2004	20T4-LTM1	7.0					
49	21004323	Huỳnh Thanh	Thăng	30/06/2006	21T4-CCK1	5.3	7.5				
50	19001679	Hoàng Xuân	Thành	02/11/2004	19T4-ĐCN2	5.0					
51	20000252	Lê Trần Minh	Thư	01/06/2005	20T4-QKS1		2.8	5.0			
52	19001428	Mai Trung	Tín	20/06/2004	19T4-CMT1	3.0		3.0			
53	20000949	Lê Nhựt	Toàn	25/04/2005	20T4-CNÔ4	5.0	9.3	9.0			
54	21002795	Đàm Minh	Trí	15/01/2006	21T4-ĐHĐ1	6.0					
55	19003239	Dương Quốc	Trung	15/11/2003	19T4-TKĐ2	V	V	V			
56	21004576	Phạm Duy	Trường	12/04/2006	21T4-ĐĐT1	5.0		8.3			
57	19003876	Phạm Văn	Tú	07/08/2003	19T4-KXD1	5.0					
58	19000415	Đặng Lê Anh	Tuấn	10/10/2004	19T4-CCK1	9.0					
59	19000873	Nguyễn Quốc	Tuấn	09/12/2004	19T4-CNÔ4	7.8					
60	21002348	Nguyễn Thị Khánh	Tường	01/01/2006	21T4-NNA1	1.8	5.0	6.5			
61	20001066	Lâm Chí	Vĩ	03/05/2005	20T4-CNÔ4	5.0	5.3	5.0			
62	19000115	Nguyễn Hoàng Phúc	Vinh	03/11/2004	19T4-CNÔ1	5.5					

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi					Ghi chú
						Toán	Lý	Hoá	Văn	Sử	
63	19001212	Trương Ngọc	Vinh	20/08/2004	19T4-KXD1	7.0					
64	20000205	Trịnh	Vinh	26/10/2005	20T4-ĐCN1		V	V			
65	19002544	Nguyễn Tường	Vy	11/09/2004	19T4-KTD2	V					
66	21002723	Trần Tuấn	Kiệt	25/05/2006	21T4-QNH1	6.8	9.5	7.0			
67	21002970	Nguyễn Lam	Thanh	20/10/2005	21T4-QNH1		7.8	7.3			
68	21000599	Trần Hà Tuyết	Liên	17/07/2006	21T4-QTD1	6.3	9.5	7.0			
69	21001353	Nguyễn Phan Thanh	Duy	25/09/2003	21T4-QTM1	6.0					
70	21002061	Trần Ngọc Như	Quỳnh	29/04/2006	21T4-QTM1	5.0	5.0	7.3			
71	21000597	Đỗ Thị Như	Quỳnh	15/02/2006	21T4-TCD1	6.5					
72	21003065	Quách Mộc Lê	Uyên	03/04/2006	21T4-TCD1	3.5	3.3	5.0			
73	21000653	Đặng Quốc	Cường	15/09/2002	21T4-TKĐ1	5.0					
74	21000516	Đoàn Đình	Duy	15/09/2006	21T4-TKĐ1	5.0					
75	21000227	Nguyễn Minh	Huy	22/07/2006	21T4-TKĐ1			5.0			
76	21000046	Phạm Anh	Khoa	04/05/2005	21T4-TKĐ1	6.8					
77	21000368	Châu Nhật	Lâm	13/09/2006	21T4-TKĐ1	7.0					
78	21000052	Châu Văn	Thiện	21/10/2006	21T4-TKĐ1			7.5			
79	21002174	Huỳnh Kim Vinh	Hiển	26/07/2006	21T4-TKĐ2	7.0					
80	21000189	Nguyễn Bội	Quân	06/06/2006	21T4-TKW1	5.3					
81	21002343	Vũ Công	Danh	23/08/2006	21T4-TMĐ1	7.3	7.8	7.3			
82	21003416	Nguyễn Hoài Bảo	Ngọc	15/07/2006	21T4-TMĐ1	6.0	8.0	6.0			
83	21002211	Lâm Nguyễn Anh	Thư	02/05/2006	21T4-TMĐ1	3.3	2.8	3.0			
84	20002348	Chu Thị Quỳnh	Mi	28/05/2005	20T4-QDL1	V			5.0	5.0	
85	21002859	Phạm Hà Thu	Trâm	27/04/2006	21T4-QDL1	5.0					
86	21004046	Nguyễn Trần Thảo	Vi	23/03/2006	21T4-QDL1	5.0			5.0	5.0	
87	21002604	Nguyễn Hải	Yến	31/01/2006	21T4-QDL1	6.0					

Tổng cộng danh sách có 87 sinh viên

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ